



## HƯỚNG DẪN ĐỌC TOÀN VĂN BÁO CÁO KQNC



😊 **BẠN MUỐN ĐỌC NHANH  
NHỮNG THÔNG TIN CẦN THIẾT ?**

☞ **Hãy đọc qua Mục lục bên tay trái bạn trước khi  
đọc báo cáo** ( với Acrobat 4.0 trở lên, cho trỏ chuột vào  
mỗi đề mục để đọc toàn bộ dòng bị che khuất )

☞ **Chọn đề mục muốn đọc và nháy chuột vào đó**

😊 **BẠN MUỐN PHÓNG TO HAY THU NHỎ  
TRANG BÁO CÁO TRÊN MÀN HÌNH ?**

☞ **Chọn, nháy chuột vào 1 trong 3 kích thước  
có sẵn trên thanh Menu**



, hoặc

☞ **Mở View trên thanh Menu, Chọn Zoom to**

☞ **Chọn tỷ lệ có sẵn trong hộp kích thước  
hoặc tự điền tỷ lệ theo ý muốn, Nhấn OK**

*Chúc bạn hài lòng  
với những thông tin được cung cấp*

Bộ phận quản trị CSDL toàn văn KQNC  
P.508, 24 Lý Thường Kiệt, Hà Nội  
Tel.(04)-9-349-126

R

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
VIỆN NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC

\*\*\*\*\*

BÁO CÁO KHOA HỌC TỔNG KẾT ĐỀ TÀI

NGHIÊN CỨU MỘT SỐ CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH  
ĐỐI VỚI GIÁO VIÊN MẦM NON TRONG TÌNH HÌNH  
KINH TẾ - XÃ HỘI HIỆN NAY

Mã số: V98-07

Chủ nhiệm đề tài: *Th.S. Nguyễn Thị Quyên*

Hà Nội, 2/2000

3837

18/6/01

# BÁO CÁO TỔNG KẾT TOÀN DIỆN VỀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU ĐỀ TÀI

**Tên đề tài:** Nghiên cứu một số chính sách đối với giáo viên mầm non trong thời kì kinh tế- xã hội hiện nay.

Mã số đề tài: V98-07

Chỉ số phân loại:

Số đăng kí đề tài:


Chỉ số lưu trữ:

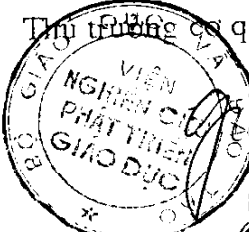
Kinh phí được cấp: 8.000.000đ.

Thời gian nghiên cứu từ: tháng 4/1998 đến tháng 12/1999.

**Tên cán bộ tham gia nghiên cứu đề tài:**

- |                               |   |
|-------------------------------|---|
| 1. Th.S. Nguyễn Thị Quyên     | Chủ nhiệm đề tài                        |
| 2. Th.S. Trần Thị Ninh Giang  | Thư kí đề tài, Ban Đại học-Viện NCPTGD. |
| 3. 2. Th.S. Phan Thị Ngọc Anh | Phó Ban GDMN                            |
| 4. Th.S. Nguyễn Hồ Lan        | Ban GDMN                                |
| 5. Th.S. Nguyễn Hồng Thuận    | Ban GDMN                                |

Ngày 17/2/2000  
Chủ nhiệm đề tài  
  
Nguyễn Thị Quyên


Ngày 6/3/2000  
Thủ trưởng cơ quan chủ trì  
  
PHÓ VIỆN TRƯỞNG  
TS. Nguyễn Lương Kiệt

Ngày đánh giá chính thức: 24/2/2000

Kết quả bỏ phiếu: Xuất sắc 5 f; Khá 0 f; Đạt 0 f; Không đạt 0 f;

Kết luận chung đạt loại: 7đ

Ngày 24/2/2000  
Chủ tịch HĐ đánh giá chính thức

  
TS. Phan Văn Kha

Ngày .../.../...  
Thủ trưởng cơ quan QL đề tài

2001-52-079/KQ

# Mục lục

	<i>Trang</i>
<b>Những vấn đề chung</b>	1
1. Đặt vấn đề.	3
2. Mục tiêu của đề tài.	4
3. Nhiệm vụ của đề tài.	6
4. Đối tượng nghiên cứu.	6
5. Phương pháp nghiên cứu.	6
<b>CHƯƠNG I: Một số cơ sở lí luận của đề tài.</b>	6
1. Khái niệm chính sách và các yêu cầu cơ bản .	8
2. Khái niệm chế độ lao động-tiền lương	9
3. Những quan điểm chỉ đạo phát triển Giáo dục mầm non.	11
4. Đặc thù lao động nghề nghiệp của GVMN.	11
<b>Chương II: Thực trạng chế độ, chính sách về lao động - tiền lương đối với giáo viên mầm non và tình hình thực hiện ở một số địa phương:</b>	18
<b>1. Tình hình đội ngũ GVMN:</b>	19
1.1. Số lượng GVMN.	22
1.2. Trình độ đào tạo GVMN.	25
1.3. Phẩm chất đạo đức của GVMN.	28
<b>2. Thực trạng chế độ chính sách về định mức biên chế, định mức lao động của GVMN và tình hình thực hiện ở một số địa phương:</b>	29
2.1. Định mức biên chế của GVMN.	31
2.2. Định mức lao động của GVMN.	34
<b>3. Thực trạng về chế độ, chính sách tiền lương của giáo viên mầm non và tình hình thực hiện ở một số địa phương:</b>	34
3.1. Đối với GVMN trong biên chế	36
3.2. Đối với GVMN ngoài biên chế	39
3.3. Đối với GVMN khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa	39
<b>Chương III: Một số khuyến nghị sửa đổi, bổ sung chế độ, chính sách về lao động- tiền lương của GVMN</b>	42
<b>1. Một số khuyến nghị sửa đổi, bổ sung về chế độ, chính sách về định mức biên chế và định mức lao động đối với giáo viên mầm non</b>	42
1.1. Định mức về biên chế của GVMN	42
1.2. Định mức lao động của GVMN	42
<b>2. Một số khuyến nghị sửa đổi, bổ sung về chế độ, chính sách tiền lương đối với GVMN.</b>	43
2.1. Đối với GVMN trong biên chế	43
2.2. Đối với GVMN ngoài biên chế	45
2.3. Đối với GVMN khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa	45
<b>Kết luận</b>	46
<b>Tài liệu tham khảo</b>	48
<b>Phụ lục</b>	50

## CHỮ VIẾT TẮT

1. GD-ĐT: Giáo dục - Đào tạo.
2. CBQL: Cán bộ quản lí.
3. GDMN: Giáo dục mầm non.
4. GVMN: Giáo viên mầm non.
5. GVMG: Giáo viên mẫu giáo.
6. GVNT: Giáo viên nhà trẻ.
7. ĐHSP: Đại học sư phạm.
8. CĐSP: Cao đẳng sư phạm.
9. THSP: Trung học sư phạm.

# NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

## 1. Đặt vấn đề:

1.1. Giáo dục và đào tạo cùng với khoa học và công nghệ là “quốc sách hàng đầu”, là “một động lực thúc đẩy và là một điều kiện cơ bản bảo đảm việc thực hiện những mục tiêu kinh tế xã hội, xây dựng và bảo vệ đất nước” “Đầu tư cho giáo dục là một trong những hướng chính của đầu tư phát triển, tạo điều kiện cho giáo dục đi trước và phục vụ đắc lực sự phát triển kinh tế xã hội”<sup>1</sup>. Trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, càng cần ưu tiên phát triển giáo dục, đổi mới quan niệm đầu tư cho giáo dục. Đồng thời “để đảm bảo chất lượng của giáo dục và đào tạo phải giải quyết tốt vấn đề thầy giáo”<sup>2</sup>

Đội ngũ giáo viên là lực lượng cốt cán biến các mục tiêu giáo dục thành hiện thực, giữ vai trò quyết định chất lượng và hiệu quả giáo dục. Xu thế đổi mới giáo dục để chuẩn bị cho thế kỉ XXI ở các nước trên thế giới, trong khu vực cũng như ở nước ta đang đặt ra những yêu cầu mới về phẩm chất và năng lực, làm thay đổi vai trò và chức năng của người giáo viên.

Để xây dựng đội ngũ giáo viên có chất lượng, có nhiều biện pháp phải làm, song mọi biện pháp dù hay đến mấy cũng sẽ kém hiệu quả nếu không có chế độ thoả đáng đối với giáo viên, nhằm đảm bảo đời sống vật chất và tinh thần ổn định, từ đó họ có thể dành tất cả thời gian và trí lực của họ cho dạy học.

---

<sup>1</sup> - Văn kiện Hội nghị lần thứ IV BCH TƯ Đảng khoá VII, tr 61.

<sup>2</sup> - Sách đã dẫn, tr 11.

1.2. Để thực hiện những mục tiêu trên, cần làm cho mọi người, nhất là các nhà hoạch định chính sách hiểu rằng: nâng cao địa vị, vai trò của người giáo viên không phải vì bản thân họ mà xuất phát từ lợi ích của học sinh, tức là vì lợi ích của mỗi gia đình, của mỗi cộng đồng và của đất nước. Yêu lấy thầy vì muốn con hay chữ: Đó cũng là đặc thù riêng vốn có của truyền thống tôn sư trọng đạo của nhân dân ta.

Ở nước ta, những năm tháng đầu tiên từ thời kỳ bao cấp chuyển sang cơ chế kinh tế thị trường, tình hình giáo viên sa sút nghiêm trọng, kể cả về số lượng và chất lượng giảng dạy, giáo dục trẻ: Do chưa thích ứng với cơ chế mới, đời sống giáo viên trở nên cực kỳ khó khăn, giáo viên hoang mang tinh thần, bỏ nghề hàng loạt, không toàn tâm toàn ý cho công tác giảng dạy vì còn phải lo cho đời sống. Hiện nay dù đời sống vẫn còn khó khăn, nhưng mức sống đã ngày càng được cải thiện, Nhà nước đã có những chế độ chính sách đối với giáo viên, tình hình đội ngũ giáo viên các cấp đã đi vào thế ổn định và phát triển. Tại kỳ họp thứ 4, quốc hội khoá 10 ngày 2/12/1998 đã thông qua Luật Giáo dục, tạo cơ sở pháp lý mạnh mẽ cho sự phát triển giáo dục trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

1.3. Sau hơn 10 năm thực hiện đường lối đổi mới, Đảng, Nhà nước và nhân dân ta đã tiến hành thiết lập một hệ thống văn bản pháp luật theo hướng xây dựng một Nhà nước pháp quyền do đó yêu cầu cải cách sửa đổi, hoàn thiện và cập nhật các chế độ chính sách của Nhà nước là một tất yếu.

Phát biểu tại Hội nghị tổng kết Giáo dục mầm non năm 1997-1998 và hướng dẫn nhiệm vụ năm học 1998-1999, Thứ trưởng Bộ GD-ĐT Lê

Vũ Hùng nhấn mạnh rằng: “Ngành học mầm non đang là một trong hai ngành học được Bộ GD-ĐT hết sức quan tâm, để có những bước giải quyết thấu đáo. Thực tế lâu nay Bộ cũng rất lúng túng trong việc quản lý bậc học này. Đặc biệt, vấn đề chế độ chính sách cho đội ngũ giáo viên mầm non cho đến nay vẫn còn là vấn đề hết sức nan giải, chưa biết tháo gỡ như thế nào cho thoả đáng...”

Về tình hình đội ngũ giáo viên mầm non đã có đề tài của công đoàn ngành giáo dục Việt Nam 1996-97 nghiên cứu, nhưng về chế độ chính sách đối với giáo viên mầm non chưa được nghiên cứu.

Nhằm góp phần vào việc giải quyết nhiệm vụ trên, chúng tôi nghiên cứu đề tài: “Nghiên cứu một số chế độ chính sách đối với giáo viên mầm non trong tình hình kinh tế-xã hội hiện nay”

Các chế độ, chính sách đối với giáo viên có nhiều loại, theo các lĩnh vực khác nhau: lao động-tiền lương, đào tạo- bồi dưỡng, sử dụng điều động,...

Với kinh phí và thời gian có hạn, chúng tôi hạn chế phạm vi của đề tài: *Nghiên cứu chế độ chính sách hiện hành của Nhà nước về lao động- tiền lương đối với GVMN.*

**2. Mục tiêu của đề tài:** Trên cơ sở nghiên cứu thực trạng và tình hình thực hiện một số chế độ, chính sách lao động - tiền lương đối với giáo viên mầm non, khuyến nghị một số điều chỉnh bổ sung chế độ chính sách còn hạn chế, chưa hợp lí.

### **3. Nhiệm vụ của đề tài:**

3.1. Nghiên cứu một số cơ sở lí luận của đề tài.



3.2. Phát hiện những bất hợp lý của một số chế độ chính sách về lao động - tiền lương đối với giáo viên mầm non.

3.3. Khuyến nghị một số điều chỉnh bổ sung chế độ chính sách trong lĩnh vực này nhằm hạn chế những bất hợp lý của chế độ, chính sách.

**4. Đối tượng nghiên cứu** của đề tài là: Một số chế độ chính sách hiện hành của Nhà nước về lao động - tiền lương đối với GVMN; tình hình thực hiện các chế độ chính sách đó tại một số địa phương.

*Địa bàn nghiên cứu:* Tổ chức toạ đàm tại Hà Nội, Thanh Hoá, Nghệ An, Yên Bái. Phân tích các báo cáo của địa phương: Lai Châu, Hải Phòng, Hưng Yên, Gia Lai, Đồng Tháp, Tiền Giang.

**5. Phương pháp nghiên cứu:** Để thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu chúng tôi sử dụng kết hợp nhiều phương pháp:

5.1. Phương pháp nghiên cứu lí luận: Phân tích tài liệu có liên quan đến đề tài: các quan điểm lí luận, các văn bản<sup>3</sup> chế độ chính sách, các số liệu thống kê,....

5.2. Phương pháp toạ đàm: Thực hiện với các CBQL các Sở GD-ĐT Yên Bái, Hà Nội, Thanh Hoá, Nghệ An; các CBQL một số Phòng GD của các tỉnh trên (Trần Yên-Tỉnh Yên Bái; Thọ Xuân, Đông Sơn-Tỉnh Thanh Hoá; Sóc Sơn, Đông Anh, Gia Lâm-Hà Nội)

5.3. Phương pháp tổng kết kinh nghiệm: Phân tích các báo cáo về tình hình pháp triển giáo dục mầm non của địa phương<sup>4</sup>; một số báo cáo trong các kỉ yếu Hội thảo<sup>5</sup>

---

<sup>3</sup> - Xem phụ lục 1

5.4. Phương pháp điều tra (30 phiếu): Thực hiện với 4 cán bộ quản lí GDMN 4 Sở, 14 CBQL 7 Phòng GD-ĐT; 6 CBQL 6 trường; 6 GVMN.

Trong đề tài này chúng tôi có sử dụng một phần số liệu điều tra của đề tài cấp Bộ trọng điểm B98-52-TD-16 của Ban GDMN, Viện NCPTGD- Chủ nhiệm Th.S. Phan Thị Ngọc Anh.

5.5. Phương pháp thống kê toán học để xử lí số liệu điều tra.

---

<sup>4</sup>- Tài liệu hội thảo, báo cáo của các địa phương, đề tài B98-52-TD-16.

<sup>5</sup> - “Về chính sách phát triển GDMN Việt Nam trong thời kì đổi mới”